

BỘ NỘI VỤ

Số: 224 /QĐ-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 ban hành Luật quy định về quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17/4/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Liên đoàn Bóng đá Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam đã được Đại hội Liên đoàn Bóng đá Việt Nam nhiệm kỳ VI (2009-2013) thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2009.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Liên đoàn Bóng đá Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Ty*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Văn Tuấn (để báo cáo);
- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Lưu: VT, Vụ TCPCP, M.

KT. BỘ TRƯỞNG

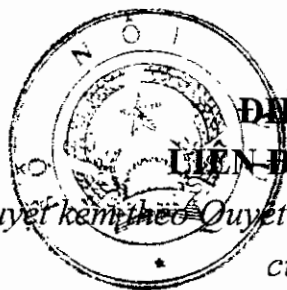
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Đình
Nguyễn Tiến Đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ (Sửa đổi, bổ sung)

LIÊN ĐOÀN BÓNG ĐÁ VIỆT NAM

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 224/QĐ - BNV ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, tôn chỉ, mục đích

1. Tên gọi, biểu trưng:

- a) Tên chính thức: Liên đoàn Bóng đá nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- b) Tên gọi tắt: Liên đoàn Bóng đá Việt Nam (viết tắt: LĐBĐVN);
- c) Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Football Federation (viết tắt: VFF);
- d) Biểu trưng:



Biểu trưng này đã đăng ký bản quyền theo quy định pháp luật Việt Nam.

2. Tôn chỉ, mục đích

LĐBĐVN là tổ chức xã hội nghề nghiệp về bóng đá và các hoạt động liên quan đến bóng đá trong phạm vi Việt Nam và quốc tế, tập hợp các thành viên để phát triển phong trào bóng đá nhằm mục đích rèn luyện sức khỏe, thể lực cho quần chúng nhân dân, góp phần nâng cao thành tích và vị thế của bóng đá Việt Nam nói riêng và môn bóng đá nói chung trong khu vực và trên toàn thế giới.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. FIFA (Fédération Internationale de Football Association): Liên đoàn Bóng đá Quốc tế.
- 2. Liên đoàn Bóng đá Châu lục gồm:
 - a) AFC (Asian Football Confederation): Liên đoàn Bóng đá Châu Á;

b) CAF (Confédération Africaine de Football): Liên đoàn Bóng đá Châu Phi;

c) CONCACAF (Confederation of North, Central American and Caribbean Associations Football): Liên đoàn Bóng đá Bắc, Trung Mỹ và Caribê;

d) CONMEBOL (Confederación Sudamericana de Fútbol): Liên đoàn Bóng đá Nam Mỹ;

đ) OFC (Oceania Football Confederation): Liên đoàn Bóng đá Châu Đại Dương;

e) UEFA (Union des Associations Européennes de Football): Liên đoàn Bóng đá Châu Âu.

3. AFF (ASEAN Football Federation): Liên đoàn Bóng đá Đông Nam Á.

4. Liên đoàn Bóng đá quốc gia: Tổ chức quản lý bóng đá đại diện cho nền bóng đá của một quốc gia được FIFA công nhận là thành viên của FIFA.

5. Thành viên: Tổ chức, đơn vị được Đại hội Liên đoàn Bóng đá Việt Nam (LDBĐVN) công nhận tư cách thành viên của LDBĐVN.

6. Câu lạc bộ, đội bóng: Thành viên của LDBĐVN (đồng thời cũng là thành viên của FIFA).

7. Các quan chức: Bao gồm Ủy viên các Ban, các huấn luyện viên, trọng tài và những người tham gia cũng như những người chịu trách nhiệm về chuyên môn, y tế và hành chính làm việc tại FIFA, AFC, AFF, LDBĐVN, các giải đấu hay cấp các câu lạc bộ, đội bóng.

8. Cầu thủ: Cầu thủ bóng đá đã đăng ký với LDBĐVN.

9. Đại hội: Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam.

10. Ban Chấp hành: Cơ quan quản lý, lãnh đạo, giám sát và tổ chức hoạt động của LDBĐVN giữa hai kỳ Đại hội.

11. Tòa án nhà nước: Tòa án trong hệ thống nhà nước xét xử các vụ việc pháp lý.

12. IFAB (International Football Association Board): Hội đồng Liên đoàn Bóng đá Quốc tế có thẩm quyền ban hành và sửa đổi, bổ sung Luật Thi đấu bóng đá.

13. CAS (Court of Arbitration for Sports): Toà Trọng tài Thể thao quốc tế đặt tại Lausanne, Thụy Sĩ, có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp và khiếu nại về quyết định giải quyết tranh chấp trong thể thao (bao gồm bóng đá) được FIFA và các thành viên FIFA công nhận.

14. Điều lệ và các quy định: Bao gồm Điều lệ, Quy chế, Luật thi đấu, Nghị quyết, Quyết định, các quy định của LDBĐVN và các tổ chức bóng đá quốc tế mà LDBĐVN là thành viên.

15. Luật, pháp luật: Có nghĩa là luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

16. Futsal: Là bóng đá trong nhà giữa 2 đội, mỗi đội gồm 5 cầu thủ chính và tối đa 7 cầu thủ dự bị.

Điều 3. Vai trò, vị trí và nguyên tắc tổ chức hoạt động

1. Vai trò, vị trí:

LĐBĐVN là tổ chức xã hội nghề nghiệp tập hợp các thành viên bao gồm: Liên đoàn bóng đá các tỉnh, thành phố, các câu lạc bộ (CLB) bóng đá, các đội bóng và Ban Tổ chức các giải đấu quốc gia; đồng thời LĐBĐVN là thành viên của Ủy ban Olympic Việt Nam, là thành viên của FIFA, AFC và AFF;

LĐBĐVN có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có biểu tượng, có cơ quan ngôn luận. Việc thành lập, giải thể LĐBĐVN được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo quy định của Điều lệ này;

Trụ sở làm việc của LĐBĐVN được đặt tại thủ đô Hà Nội, địa chỉ: Đường Lê Quang Đạo, Mỹ Đình, Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Số điện thoại: 04.37332644, 04.38452480. Số fax: 04.38233119, 04.37341349. Địa chỉ trang website: www.vff.org.vn. Email: vietnamff@gmail.com, info@vff.org.vn.

2. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

LĐBĐVN tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, thống nhất hành động, quyết định theo đa số, tự quản trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ Liên đoàn được Bộ Nội vụ phê duyệt. LĐBĐVN chịu sự quản lý nhà nước về thể dục thể thao của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Phối hợp với các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế, xã hội để:

a) Huy động và tập hợp các thành viên tham gia phát triển phong trào bóng đá Việt Nam, đặc biệt là trong đối tượng thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên nhằm nâng cao thể chất cho nhân dân, tạo môi trường phát hiện và bồi dưỡng tài năng bóng đá;

b) Xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống đào tạo tài năng bóng đá các lứa tuổi, các đội tuyển quốc gia theo định hướng bóng đá chuyên nghiệp;

c) Xây dựng các chương trình đào tạo cán bộ quản lý, huấn luyện viên, giảng viên, trọng tài bóng đá và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ này.

2. Tham gia với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế về bóng đá. Hợp tác chặt chẽ với FIFA, AFC, AFF, các Liên đoàn Bóng đá quốc gia và các đối tác khác trong xây dựng và triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về bóng đá theo luật và điều lệ của các tổ chức bóng đá quốc tế.

3. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thi đấu bóng đá quốc gia mang tính chuyên nghiệp phù hợp với hệ thống thi đấu của khu vực và thế giới.

4. Tổ chức, quản lý và điều hành các giải bóng đá quốc gia và quốc tế (bao gồm cả các trận đấu giao hữu) được thực hiện trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, đảm bảo tuân thủ Điều lệ, các quy định và các quyết định có liên quan của FIFA, AFC, AFF và LDBĐVN, cũng như tuân thủ Luật Thi đấu bóng đá do FIFA và IFAB ban hành.

5. Cấp phép, trao quyền cho một thành viên hoặc đơn vị, tổ chức khác đăng cai giải thi đấu bóng đá thuộc quyền quản lý, tổ chức và điều hành của LDBĐVN trên cơ sở Điều lệ giải được LDBĐVN thông qua.

6. Xây dựng nền bóng đá Việt Nam phát triển lành mạnh, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực như tham nhũng, hối lộ, dàn xếp tỷ số, mua bán độ, phân biệt chủng tộc, tình trạng bạo lực, xô xát trong thi đấu và dùng các chất kích thích bị cấm trong bóng đá.

7. Phát triển các thành viên; hỗ trợ các tổ chức bóng đá ở các địa phương, các ngành về chuyên môn, nghiệp vụ.

8. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên thuộc LDBĐVN. Giải quyết tranh chấp giữa các cầu thủ, cán bộ, huấn luyện viên (HLV) và các thành viên khác.

9. Huy động các nguồn lực của xã hội, thu hút các nguồn tài trợ trong nước và quốc tế; tổ chức các hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật để tạo nguồn kinh phí cho hoạt động bóng đá.

10. Tuyển chọn vận động viên (VĐV), HLV tham gia các đội tuyển quốc gia và cử cán bộ, HLV, trọng tài, các đội tuyển quốc gia đi học tập, công tác, tập huấn, thi đấu ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

11. Ký hợp đồng với chuyên gia nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Đề xuất với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về chiến lược, kế hoạch và chính sách để phát triển bóng đá. Xây dựng cơ sở vật chất, phục vụ cho việc tập huấn và thi đấu bóng đá.

13. Ban hành theo thẩm quyền và đảm bảo thực hiện các quy định trong hoạt động quản lý, kiểm soát và điều hành môn bóng đá, trong đó bao gồm cả việc tổ chức các trận đấu và các giải đấu bóng đá; đăng ký và quản lý huấn luyện viên, trọng tài, cầu thủ bóng đá; chuyển nhượng cầu thủ; khai thác quyền thương mại, quyền truyền thông trong các giải đấu, các sự kiện do LDBĐVN tổ chức phù hợp với các quy định có liên quan của luật pháp quốc gia và của các tổ chức bóng đá quốc tế mà LDBĐVN là thành viên.

14. Sở hữu tất cả các quyền phát sinh từ các giải đấu và các sự kiện thuộc quyền quản lý, tổ chức, điều hành của LDBĐVN, trong đó bao gồm các quyền về tài chính; quyền thu thanh, ghi hình; sản xuất; phát thanh, truyền hình; truyền thông đa phương tiện; quảng cáo, tiếp thị; các quyền khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

15. Trao quyền sử dụng và phân phối hình ảnh, âm thanh và các hình thức dữ liệu khác của các trận đấu và các sự kiện thuộc quyền quản lý, tổ chức và điều hành của LDBĐVN.

16. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Không phân biệt đối xử

LDBĐVN tuân thủ các quy định của Liên đoàn Bóng đá Quốc tế (FIFA) và nghiêm cấm mọi hình thức phân biệt chủng tộc, nguồn gốc, giới tính, tôn giáo và chính trị trong các hoạt động bóng đá do LDBĐVN quản lý, tổ chức và điều hành.

Điều 6. Cầu thủ

1. Tư cách của cầu thủ và các quy định về chuyển nhượng cầu thủ được Ban Chấp hành LDBĐVN quy định dựa trên các văn bản hiện hành của FIFA về tư cách và chuyển nhượng cầu thủ.

2. Cầu thủ được đăng ký theo các Quy chế của LDBĐVN.

Điều 7. Áp dụng Luật Thi đấu bóng đá

LDBĐVN và các thành viên của Liên đoàn phải tuân theo Luật Thi đấu bóng đá do Hội đồng Liên đoàn Bóng đá Quốc tế ban hành (IFAB).

Điều 8. Nghĩa vụ thực hiện

Các cơ quan và cán bộ thuộc LDBĐVN phải tuân thủ theo Điều lệ, quy chế, các hướng dẫn, quyết định và các chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp của FIFA, AFC, AFF và LDBĐVN trong mọi hoạt động.

Điều 9. Ngôn ngữ chính thức của LDBĐVN

Ngôn ngữ chính thức của LDBĐVN là tiếng Việt, ngôn ngữ giao dịch quốc tế chính thức là tiếng Anh. Các văn kiện, văn bản chính thức được soạn thảo bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau. Trường hợp có sự không thống nhất trong việc hiểu các văn bản thì văn bản bằng tiếng Việt được coi là căn cứ chuẩn.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC THÀNH VIÊN

Điều 10. Thành viên của LDBĐVN

1. Các thành viên của LDBĐVN được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định của LDBĐVN và của các tổ chức bóng đá quốc tế mà LDBĐVN là thành viên

2. Thành viên của LDBĐVN gồm:

a) Liên đoàn Bóng đá tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh);

b) Các câu lạc bộ, đội bóng đá ngoại hạng, hạng nhất, hạng nhì, các đội bóng đá nữ, Futsal tham gia giải vô địch quốc gia và đủ tiêu chuẩn theo quy định của LDBĐVN;

c) Các tổ chức của cầu thủ, huấn luyện viên, trọng tài và cơ quan tổ chức các giải đấu quốc gia.

3. Các thành viên cùng cấp hạng, trình độ được quy định tại khoản 2 Điều này có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Ban Chấp hành.

Điều 11. Thể thức gia nhập LDBĐVN

1. Những tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều 10 muốn trở thành thành viên của LDBĐVN phải nộp hồ sơ xin gia nhập LDBĐVN theo quy định tại khoản 2 của Điều này.

2. Hồ sơ xin gia nhập LDBĐVN gồm:

a) Đơn xin gia nhập LDBĐVN;

b) Bản sao Điều lệ và Quy chế của tổ chức xin gia nhập;

c) Quy chế hoạt động (đối với thành viên là đội bóng hoặc CLB) hoặc quyết định thành lập đội bóng hoặc CLB do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

d) Danh sách lãnh đạo chủ chốt đại diện cho tổ chức (những người có thẩm quyền ký các cam kết với bên thứ ba).

đ) Văn bản cam kết:

- Tuân thủ Điều lệ, Quy chế của FIFA, AFC, AFF, VFF; tuân thủ Luật Thi đấu bóng đá do IFAB và FIFA ban hành và Luật Thi đấu Futsal do FIFA ban hành và bảo đảm rằng các thành viên của mình, CLB, quan chức, đại diện cầu thủ và cầu thủ cũng tuân thủ những Điều lệ và Quy chế này;

- Công nhận thẩm quyền giải quyết tranh chấp của cơ quan do LDBĐVN thành lập, đồng thời công nhận và tôn trọng các quyết định của Tòa Trọng tài Thể thao quốc tế (CAS);

- Chỉ tổ chức và tham gia vào các giải đấu, trận đấu giao hữu quốc tế đã được LDBĐVN, AFF, AFC, và FIFA cho phép (tùy thuộc vào thẩm quyền tổ chức các trận đấu quốc tế);

- Trụ sở cơ quan phải được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền và đặt trong lãnh thổ Việt Nam;

- Tham gia tất cả các giải, trận đấu chính thức do LDBĐVN tổ chức nếu đáp ứng đủ các điều kiện có liên quan;

- Đảm bảo rằng cơ cấu pháp lý của tổ chức muốn trở thành thành viên có thể tự đưa ra những quyết định độc lập mà không phải dựa vào các tổ chức nào khác bên ngoài;

- Cam kết tổ chức và tham gia các trận đấu giao hữu chỉ khi được sự cho phép của LDBĐVN.

3. Thẩm quyền công nhận thành viên thuộc về Đại hội LDBĐVN. Khi được công nhận, thành viên có các quyền và nghĩa vụ thành viên quy định tại Điều 13 và 14 của Điều lệ này.

Điều 12. Các qui định khác về thành viên

1. Các CLB bóng đá và các đội bóng, các tổ chức khác theo quy định tại Điều 10 có thể đồng thời vừa là thành viên của Liên đoàn Bóng đá tỉnh, thành phố vừa là thành viên của LDBĐVN.

2. CLB bóng đá, các đội bóng và các tổ chức khác theo quy định của Điều 10 là thành viên của LDBĐVN không được đồng thời là thành viên của một Liên đoàn Bóng đá quốc gia khác và không được phép tham gia các hoạt động bóng đá trên lãnh thổ của quốc gia khác mà không có sự cho phép của LDBĐVN, Liên đoàn Bóng đá quốc gia và quốc tế có liên quan.

Điều 13. Quyền lợi của thành viên

1. Các thành viên của LDBĐVN có các quyền lợi sau:

a) Được tham dự Đại hội LDBĐVN, được biết trước tiến trình nội dung Đại hội, được triệu tập đúng thời gian Đại hội và được quyền bỏ phiếu hoặc biểu quyết;

b) Giới thiệu đại diện để đề cử, ứng cử và bầu các vị trí chủ chốt và các ban của LDBĐVN;

c) Đề xuất, thảo luận và biểu quyết về chủ trương, kế hoạch hoạt động của LDBĐVN;

d) Giám sát hoạt động của Ban Chấp hành và các cơ quan, thành viên của LDBĐVN;

d) Tham gia thi đấu tại các giải bóng đá do LDBĐVN tổ chức theo quy định của Điều lệ giải. Được ưu tiên sử dụng các cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện, thi đấu của LDBĐVN khi có nhu cầu phù hợp;

e) Được LDBĐVN bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong hoạt động bóng đá trước pháp luật và các tổ chức bóng đá quốc tế. Được khen thưởng khi có thành tích xuất sắc;

g) Được hưởng tất cả các quyền lợi khác trong Điều lệ và quy chế của LDBĐVN.

2. Việc thực hiện các quyền lợi này theo quy định của Điều lệ và quy chế của LDBĐVN.

Điều 14. Nghĩa vụ của thành viên

1. Chấp hành các quy định của LDBĐVN, AFF, AFC và FIFA; tuân thủ Luật Thi đấu bóng đá do IFAB và FIFA ban hành; Luật Thi đấu Futsal do FIFA ban hành và bảo đảm rằng các thành viên của mình, CLB, quan chức, đại diện cầu thủ và cầu thủ cũng tuân thủ các Điều lệ và Quy chế này.

2. Thực hiện việc bầu cử các cơ quan có thẩm quyền.

3. Tích cực tham gia các hoạt động của LDBĐVN. Đóng góp có hiệu quả vào việc phát triển và nâng cao trình độ bóng đá Việt Nam.

4. Đóng niên liễm, phí và lệ phí khác đầy đủ và đúng hạn theo quy định.

5. Khẳng định bằng một điều khoản trong Điều lệ của tổ chức (hoặc Quy chế hoạt động của thành viên) về việc thừa nhận thẩm quyền của cơ quan do FIFA và LDBĐVN chỉ định trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến thành viên của tổ chức và liên quan đến Điều lệ, quy định, hướng dẫn và quyết định của FIFA, AFC, AFF, LDBĐVN. Khẳng định trong Điều lệ việc tôn trọng nguyên tắc, hành vi thể thao cao thượng, trung thực.

6. Thông báo cho LDBĐVN tất cả những sửa đổi, bổ sung đối với Điều lệ, Quy chế hoạt động (nếu có) và các quy định khác có liên quan đến tổ chức cũng như danh sách cán bộ chủ chốt hoặc những người được ủy quyền đại diện cho tổ chức.

7. Không duy trì quan hệ thể thao với các tổ chức không được công nhận hoặc với các thành viên đã bị đình chỉ hoặc khai trừ.

8. Đảm bảo tuân thủ các cam kết khi gia nhập LDBĐVN.

9. Các thành viên cần báo cáo các thành viên của tổ chức mình về việc đăng ký gia nhập thành viên của tổ chức mình cho LDBĐVN.

10. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và các quy định có liên quan của LDBĐVN, AFF, AFC, FIFA.

Điều 15. Đình chỉ

1. Thành viên nào vi phạm quy định nghĩa vụ của thành viên được quy định tại Điều 14 thì sẽ bị đình chỉ tư cách thành viên. Thẩm quyền đình chỉ thành viên thuộc về Đại hội LĐBĐVN. Quyết định đình chỉ được thông qua tại kỳ Đại hội tiếp theo khi có 2/3 (hai phần ba) số đại biểu có quyền bỏ phiếu tán thành.

2. Trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội, nếu một thành viên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên (quy định tại Điều 14), Ban Chấp hành có quyền quyết định tạm đình chỉ tư cách thành viên của tổ chức đó ít nhất một năm. Quyết định tạm đình chỉ của Ban Chấp hành sẽ có hiệu lực tới kỳ Đại hội tiếp theo trừ trường hợp việc tạm đình chỉ đã được Ban Chấp hành quyết định thôi áp dụng trước khi Đại hội diễn ra. Trường hợp không được Đại hội thông qua, quyết định tạm đình chỉ tư cách thành viên do Ban Chấp hành ban hành sẽ chấm dứt hiệu lực.

3. Thành viên bị đình chỉ (hoặc tạm đình chỉ) sẽ mất các quyền thành viên của mình. Các tổ chức khác không được phép liên hệ về các vấn đề thể thao với thành viên bị đình chỉ (hoặc tạm đình chỉ). Ban Kỷ luật có thể áp dụng thêm các hình phạt với tổ chức bị đình chỉ (hoặc tạm đình chỉ).

4. Các thành viên không tham gia vào hoạt động bóng đá nào của LĐBĐVN trong vòng một năm thì các năm tiếp theo sẽ không được quyền biểu quyết và người đại diện của tổ chức đó sẽ không được bổ nhiệm hoặc bầu cử cho đến khi tổ chức này hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ của mình.

Điều 16. Khai trừ

1. Đại hội có thể khai trừ một thành viên nếu:

a) Tổ chức đó không hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với LĐBĐVN;

b) Tổ chức đó vi phạm nghiêm trọng các điều khoản trong Điều lệ, các quy chế, chỉ dẫn và các quyết định của FIFA, AFC, AFF và LĐBĐVN.

2. Việc khai trừ một thành viên có hiệu lực khi và chỉ khi có quá bán số phiếu bầu của các đại biểu có quyền bỏ phiếu tại Đại hội tán thành quyết định khai trừ (50% + 1). Đề xuất về việc khai trừ thành viên đó phải được thông qua bởi 2/3 (hai phần ba) thành viên khác của một lần bỏ phiếu hợp lệ.

Điều 17. Chấm dứt tư cách thành viên

1. Tư cách của một thành viên chấm dứt khi thành viên đó bị khai trừ, giải thể hoặc tự xin ra khỏi LĐBĐVN.

2. Một thành viên chấm dứt tư cách thành viên thì mọi quyền và lợi ích của thành viên đó liên quan đến LĐBĐVN bị hủy bỏ, nhưng vẫn phải thực hiện

đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và các vấn đề khác có liên quan đến LDBĐVN, các tổ chức và cá nhân khác.

Điều 18. Ra khỏi LDBĐVN

Thành viên muốn ra khỏi LDBĐVN phải có đơn gửi đến Ban Chấp hành LDBĐVN ít nhất 3 tháng trước cuối năm và phải hoàn tất các nghĩa vụ tài chính và các vấn đề có liên quan đến LDBĐVN, đến các tổ chức và cá nhân khác.

Điều 19. Tư cách của Câu lạc bộ, Cơ quan Tổ chức Giải đấu quốc gia, Liên đoàn Bóng đá các tỉnh, thành phố

1. Câu lạc bộ, Cơ quan Tổ chức Giải đấu quốc gia, Liên đoàn Bóng đá các tỉnh, thành phố tự nguyện gia nhập LDBĐVN là thành viên trực thuộc và được LDBĐVN công nhận. Điều lệ này nêu rõ phạm vi thẩm quyền, quyền và nghĩa vụ của các Câu lạc bộ, Cơ quan Tổ chức Giải đấu quốc gia, Liên đoàn bóng đá các tỉnh, thành phố. Điều lệ và quy định của các Câu lạc bộ, Cơ quan Tổ chức Giải đấu quốc gia, Liên đoàn Bóng đá các tỉnh, thành phố do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các câu lạc bộ, Cơ quan Tổ chức Giải đấu quốc gia, Liên đoàn Bóng đá các tỉnh, thành phố là thành viên của LDBĐVN có toàn quyền quyết định về các vấn đề có liên quan đến tư cách thành viên của họ một cách độc lập mà không phụ thuộc vào bất kỳ cơ quan bên ngoài nào. Điều khoản này được áp dụng không kể đến cơ cấu tổ chức của các Câu lạc bộ, Cơ quan Tổ chức Giải đấu quốc gia, Liên đoàn Bóng đá các tỉnh, thành phố.

3. Trong bất kỳ trường hợp nào, không một cá nhân hay pháp nhân nào (bao gồm cả cơ quan chủ quản và các tổ chức trực thuộc) có quyền quản lý nhiều hơn một câu lạc bộ mà có thể làm ảnh hưởng tới tính trung thực của mọi trận đấu hay giải đấu.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 20. Cơ cấu tổ chức của LDBĐVN

1. Tổ chức của LDBĐVN gồm:

a) Đại hội LDBĐVN: là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam;

b) Ban Chấp hành (BCH): là cơ quan quản lý, lãnh đạo, giám sát và tổ chức hoạt động của LDBĐVN giữa hai kỳ Đại hội;

c) Thường trực Ban Chấp hành, các Hội đồng Tư vấn và Ban Lâm thời trực thuộc BCH (Ban Lâm thời) có trách nhiệm hỗ trợ và cố vấn giúp Ban Chấp hành hoàn thành trách nhiệm của mình. Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của

các bộ phận trên được Ban Chấp hành quy định rõ trong Điều lệ hoặc các quy chế hoạt động của từng bộ phận;

d) Ban Kiểm tra do Đại hội bầu, hoạt động độc lập theo quy định của Điều lệ và Quy chế của Liên đoàn, phù hợp với quy định của pháp luật;

đ) Bộ phận Pháp chế bao gồm Ban Kỷ luật và Ban Giải quyết khiếu nại do BCH bổ nhiệm, hoạt động độc lập theo Điều lệ và Quy chế của LDBĐVN;

e) Ban Tổng Thư ký: là tổ chức quản lý hành chính của LDBĐVN;

g) LDBĐVN có một số tổ chức trực thuộc, trong đó bao gồm: Báo Bóng đá, Trung tâm Đào tạo bóng đá Trẻ và một số tổ chức khác theo quyết định của BCH.

2. Các ban chức năng, các đơn vị thuộc LDBĐVN do LDBĐVN bầu hoặc bổ nhiệm một cách độc lập phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 21. Đại hội LDBĐVN

1. Đại hội LDBĐVN gồm: Đại hội nhiệm kỳ được tiến hành bốn năm một lần, Đại hội thường niên được tiến hành một năm một lần và Đại hội bất thường.

2. Chủ tịch đoàn chủ trì Đại hội theo nội dung chương trình đã được thông qua trước đó.

Điều 22. Đại biểu và quyền bỏ phiếu

1. Số lượng đại biểu tham dự Đại hội bao gồm tối đa 2 đại biểu đại diện cho mỗi thành viên của LDBĐVN.

2. Đại biểu phải thuộc về thành viên mà họ đại diện và được quyết định bởi cơ quan có thẩm quyền của thành viên đó. Họ phải chứng minh về tư cách của mình khi được yêu cầu.

3. Mỗi đại diện của thành viên có số lượng phiếu bầu bằng nhau trong Đại hội. Chỉ có đại biểu đại diện cho mỗi thành viên có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội mới được quyền bỏ phiếu. Không được bỏ phiếu thay hoặc bỏ phiếu qua thư.

4. Ban Chấp hành và Tổng Thư ký tham dự Đại hội nhưng không có quyền bỏ phiếu hoặc biểu quyết. Trong suốt nhiệm kỳ, các ủy viên Ban Chấp hành sẽ không được quyền đại diện cho các thành viên để bỏ phiếu hoặc biểu quyết tại Đại hội.

5. Tổ chức đang được xem xét để trở thành thành viên theo quy định của LDBĐVN không có quyền bỏ phiếu hoặc biểu quyết tại Đại hội.

6. BCH đương nhiệm có trách nhiệm mời các cá nhân được các thành viên đề cử vào BCH (các cá nhân này không trong thành phần đại biểu của

thành viên). Các cá nhân này là đại biểu của Đại hội nhưng không có quyền bỏ phiếu hoặc biểu quyết tại Đại hội.

7. BCH đương nhiệm có quyền mời một hoặc nhiều cá nhân có đóng góp hiệu quả cho sự phát triển bóng đá Việt Nam và các đại biểu khác tham dự Đại hội với tư cách khách mời.

Điều 23. Quyền của Đại hội

1. Đại hội nhiệm kỳ:

a) Sửa đổi và thông qua Điều lệ và các quy định đảm bảo thực hiện Điều lệ;

b) Kiểm điểm công tác và đề ra phương hướng hoạt động của nhiệm kỳ;

c) Thông qua báo cáo kiểm điểm của BCH và các báo cáo khác do Ban Chấp hành trình lên Đại hội;

d) Thông qua báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán và ngân sách;

đ) Quyết định số lượng Ủy viên Ban Chấp hành;

e) Quyết định việc tặng danh hiệu hoặc tôn vinh thành viên, các cá nhân danh dự có đóng góp cho sự phát triển của bóng đá Việt Nam; Đại hội có thể vinh danh chức danh Chủ tịch Danh dự của LĐBĐVN. Chủ tịch Danh dự là công dân Việt Nam, tán thành Điều lệ LĐBĐVN, có uy tín, có vị trí xã hội và có nhiều đóng góp cho sự phát triển bóng đá Việt Nam;

g) Công nhận, đình chỉ tư cách thành viên, khai trừ hoặc thông qua việc ra khỏi LĐBĐVN của thành viên;

h) Bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và Trưởng Ban Kiểm tra;

i) Bỏ phiếu cho việc đề xuất giải thể LĐBĐVN (nếu có);

k) Chỉ định cơ quan kiểm toán độc lập theo đề xuất của Ban Chấp hành;

l) Ấn định mức nộp lệ phí của thành viên;

m) Thông qua Nghị quyết của Đại hội;

n) Các vấn đề khác được Đại hội chấp thuận xem xét.

2. Đại hội thường niên: Ngoài nội dung quy định chung áp dụng đối với Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội thường niên tiến hành thêm những nội dung sau đây:

a) Kiểm điểm công tác năm và đề ra phương hướng hoạt động, nhiệm vụ cho năm sau hoặc bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ của nhiệm kỳ nếu thấy cần thiết;

b) Quyết định bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành và bầu các chức danh khác thuộc quyền hạn của Đại hội nếu các chức danh đó bị khuyết;

c) Thay đổi cơ quan kiểm toán độc lập theo đề xuất của Ban Chấp hành;

d) Bãi miễn một hoặc một số chức danh do Đại hội bầu.

3. Đại hội bất thường: Đại hội bất thường (được triệu tập theo quy định của Điều 29 Điều lệ này) có thể thực hiện những nội dung phù hợp theo quy định đối với Đại hội nhiệm kỳ, tuy nhiên Đại hội bất thường phải thực hiện thêm những nội dung bắt buộc sau đây:

a) Quyết định những vấn đề mà đó là lý do để tiến hành Đại hội bất thường;

b) Bầu các chức danh bị khuyết mà vì đó là lý do để tiến hành Đại hội bất thường.

Điều 24. Số lượng đại biểu trong Đại hội

1. Quyết định của Đại hội sẽ chỉ có hiệu lực nếu 2/3 (hai phần ba) thành viên có quyền bỏ phiếu có mặt.

2. Nếu không đạt số lượng thành viên cần thiết, LDBĐVN sẽ tổ chức Đại hội lần hai trong vòng 24 giờ kế tiếp với chương trình tương tự như chương trình của Đại hội thứ nhất.

3. Đối với Đại hội lần hai không yêu cầu phải đạt số lượng thành viên như Đại hội thứ nhất để có thể ra quyết định trừ khi có đề xuất sửa đổi Điều lệ của LDBĐVN, bầu cử Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các Ủy viên trong Ban Chấp hành; bãi miễn một hoặc một số Ủy viên Ban Chấp hành của LDBĐVN; khai trừ thành viên của LDBĐVN hoặc giải thể LDBĐVN.

Điều 25. Các quyết định của Đại hội

1. Trừ trường hợp có quy định khác trong Điều lệ, kết quả của cuộc bầu cử sẽ có hiệu lực khi đa số các đại biểu có quyền bỏ phiếu tham gia bỏ phiếu. Số phiếu bầu hợp lệ được tính sẽ quyết định bằng số phiếu đa số. Các phiếu trắng hoặc ghi sai quy định hoặc không tham gia bỏ phiếu sẽ không được tính vào kết quả cuộc bầu cử.

2. Quyết định bỏ phiếu có thể được biểu quyết bằng tay hoặc qua các phương tiện điện tử. Nếu biểu quyết bằng tay không cho kết quả rõ ràng, có thể tiếp tục tiến hành thông qua việc hỏi ý kiến cá nhân bằng việc gọi tên từng đại biểu theo thứ tự bảng chữ cái.

Điều 26. Bầu cử

1. Các cuộc bầu cử Ủy viên BCH, bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức bỏ phiếu kín. Ban Kiểm tra và Trưởng ban Kiểm tra bầu trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc có thể được tiến hành theo hình thức giơ tay theo quyết định của Đại hội.

2. Điều kiện trúng cử Ủy viên BCH phải đạt số phiếu ít nhất là quá bán (50% +1) trên số phiếu hợp lệ. Số lượng Ủy viên BCH lấy theo thứ tự từ người

có số phiếu cao nhất đến khi đủ số lượng Ủy viên BCH theo quy định của Điều lệ.

3. Trong trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng quy định của Điều lệ, Đại hội sẽ quyết định có hoặc không tổ chức vòng bỏ phiếu tiếp theo.

4. Khi bầu vào một vị trí mà số ứng cử viên có trên 02 (hai) người, nếu không ai đạt quá bán, sẽ loại những người có số phiếu thấp nhất, để bầu vòng tiếp theo cho đến khi lựa chọn được người có số phiếu cao nhất.

Điều 27. Thông báo về việc tổ chức Đại hội

1. Thời gian, địa điểm và chương trình Đại hội do Ban Chấp hành quyết định và thông báo tới các thành viên, các Ủy viên BCH bằng văn bản, chậm nhất là 45 ngày trước ngày Đại hội. Trường hợp Đại hội bất thường, phải gửi trước 30 ngày trước ngày Đại hội.

2. Các văn bản của Đại hội được gửi tới các thành viên và các Ủy viên BCH chậm nhất là 30 ngày trước ngày Đại hội, bao gồm:

- a) Chương trình Đại hội;
- b) Các báo cáo sẽ được Đại hội thông qua;
- c) Đề xuất cơ cấu tổ chức nhân sự của nhiệm kỳ tới;
- d) Các đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- đ) Các vấn đề khác do thành viên hoặc BCH đề xuất.

3. Trong trường hợp cần thiết, Đại hội có thể giải quyết những vấn đề đã quá hạn khi được đa số đại biểu có quyền bỏ phiếu tán thành tại Đại hội.

Điều 28. Chương trình Đại hội

1. Tổng Thư ký sẽ trình nội dung chương trình cuộc họp dựa trên đề xuất của Ban Chấp hành và các thành viên. Bất kỳ đề xuất nào của các thành viên muốn được trình tại Đại hội đều phải gửi đến Ban Tổng Thư ký bằng văn bản ít nhất 40 ngày trước khi Đại hội chính thức diễn ra.

2. Chương trình Đại hội bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Kiểm tra thành phần và tư cách đại biểu dự Đại hội;
- b) Phát biểu của Chủ tịch;
- c) Thông qua báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu dự Đại hội của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu;
- d) Bầu Chủ tịch đoàn và Ban Thư ký Đại hội;
- đ) Thông qua chương trình Đại hội;
- e) Báo cáo và thông qua các báo cáo do BCH đệ trình;
- g) Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- h) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội do thành viên hoặc Ban Chấp hành đề xuất;

i) Bầu BCH và các chức danh: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch; bầu Ban Kiểm tra, Trưởng ban Kiểm tra;

k) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

3. Chương trình Đại hội do Đại hội thông qua. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung hoặc thay đổi nào về chương trình Đại hội chỉ có thể thực hiện nếu được trên 50% số đại biểu có quyền bỏ phiếu tại Đại hội tán thành.

Điều 29. Việc triệu tập Đại hội bất thường

1. Ban Chấp hành có thể triệu tập Đại hội bất thường vào bất kỳ thời điểm nào khi có một trong các lý do sau:

a) Do ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên BCH hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số thành viên đề nghị. Theo đó, yêu cầu phải nêu rõ các nội dung trong chương trình họp. Đại hội bất thường sẽ được tổ chức trong vòng 3 tháng kể từ khi nhận được đề nghị. Nếu Đại hội bất thường không được triệu tập trong khoảng thời gian này, các Ủy viên BCH và đơn vị thành viên đề xuất cuộc họp có thể tự tổ chức Đại hội và có thể yêu cầu sự trợ giúp của FIFA khi cần thiết (trình tự, thủ tục tiến hành tự tổ chức Đại hội do BCH quy định cụ thể phù hợp với quy định pháp luật);

b) Trường hợp vị trí Chủ tịch bị bỏ trống trong thời gian từ 06 (sáu) tháng trở lên của nhiệm kỳ;

c) Trường hợp một số vị trí chủ chốt từ chức hoặc bị miễn nhiệm ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động của LĐBĐVN.

2. Các thành viên sẽ được thông báo ngày giờ, địa điểm và nội dung cuộc họp ít nhất 30 ngày trước khi Đại hội bất thường diễn ra.

3. Trường hợp Ban Chấp hành đề xuất họp Đại hội bất thường thì nội dung chương trình cuộc họp do chính BCH đưa ra. Khi các thành viên đề xuất họp Đại hội bất thường, nội dung chương trình lúc đó sẽ bao gồm các đề xuất do các thành viên đó nêu lên.

4. Nội dung chương trình của Đại hội bất thường thực hiện theo khoản 3 của Điều 23 Điều lệ này.

Điều 30. Sửa đổi Điều lệ

1. Đề nghị sửa đổi Điều lệ của BCH hoặc thành viên phải được làm bằng văn bản nêu rõ lý do yêu cầu sửa đổi và gửi về Văn phòng Liên đoàn. Đề nghị của một thành viên chỉ được coi là hợp lệ nếu có ít nhất 02 thành viên khác ủng hộ.

2. Đề nghị sửa đổi Điều lệ được thông qua nếu được $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) thành viên có mặt và có quyền biểu quyết tán thành.

3. Đề nghị sửa đổi quy định hướng dẫn áp dụng Điều lệ và trình tự tiến hành Đại hội phải được Ban Chấp hành hoặc thành viên làm bằng văn bản nêu rõ lý do đề nghị và gửi về Văn phòng Liên đoàn.

4. Đề nghị sửa đổi quy định hướng dẫn áp dụng Điều lệ và trình tự tiến hành Đại hội được thông qua nếu được đa số thành viên có mặt và có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 31. Các biên bản

Tổng Thư ký sẽ chịu trách nhiệm tổ chức ghi chép biên bản tại Đại hội. Biên bản sau đó phải được các thành viên (được chỉ định) kiểm tra lại và sẽ được thông qua ở chương trình cuối cùng của Đại hội trước khi thông qua Nghị quyết.

Điều 32. Thời hạn quyết định có hiệu lực

1. Các quyết định được Đại hội thông qua sẽ được cơ quan có thẩm quyền ký, ban hành và sẽ có hiệu lực thi hành sau 30 ngày kể từ khi kết thúc Đại hội, trừ khi Đại hội quy định ngày có hiệu lực khác.

2. Các quyết định của Đại hội phải được thông báo tới các thành viên và các Ủy viên Ban Chấp hành trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc Đại hội.

Điều 33. Cơ cấu Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành bao gồm 23 Ủy viên trong đó có: 01 Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch và 19 Ủy viên.

2. Các Ủy viên Ban Chấp hành, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch do Đại hội bầu ra. Mỗi ứng cử viên ứng cử Ban Chấp hành phải được ít nhất một thành viên đề cử bằng văn bản.

3. Nhiệm kỳ của các Ủy viên Ban Chấp hành, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch là 04 (bốn) năm. Những người này có thể được tái cử khi được tín nhiệm.

4. Ủy viên Ban Chấp hành phải là người hoạt động tích cực trong bóng đá, tuyệt đối không phạm pháp trước đó và phải có quốc tịch Việt Nam.

5. Đơn ứng cử, đề cử phải được gửi về Ban Tổng Thư ký của LĐBĐVN ít nhất 40 ngày trước khi diễn ra Đại hội. Danh sách chính thức các ứng cử viên bầu vào BCH sẽ được chuyển tới các thành viên của LĐBĐVN cùng với chương trình Đại hội ít nhất 30 ngày trước khi diễn ra Đại hội.

6. Ủy viên Ban Chấp hành không được là thành viên của Ban Kỷ luật, Ban Giải quyết khiếu nại.

7. Ủy viên Ban Chấp hành vắng mặt 02 (hai) lần liên tiếp trong các cuộc họp của Ban Chấp hành mà không có lý do chính đáng sẽ bị miễn nhiệm khỏi Ban Chấp hành. Quyết định khai trừ cuối cùng sẽ do Đại hội quyết định dựa theo Điều 37 của Điều lệ này.

8. Ủy viên Ban Chấp hành muốn ra khỏi BCH phải nộp đơn cho Ban Chấp hành. Việc ra khỏi BCH chỉ có hiệu lực sau khi Ủy viên đó giao lại toàn bộ công việc, các nguồn tài chính và cơ sở vật chất mà người đó chịu trách nhiệm quản lý cho một cá nhân hoặc một tổ chức được Ban Chấp hành chỉ định.

9. Nếu một vị trí bị khuyết, Ban Chấp hành sẽ phân công người đảm nhiệm công việc của vị trí đó cho đến kỳ Đại hội tiếp theo, khi đó bầu người thay thế trong phần thời gian còn lại của nhiệm kỳ.

Điều 34. Hợp Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành LDBĐVN họp tối thiểu 2 lần trong một năm.

2. Chủ tịch triệu tập các cuộc họp của Ban Chấp hành. Nếu có trên 50% Ủy viên Ban Chấp hành yêu cầu họp BCH bất thường, Chủ tịch sẽ triệu tập cuộc họp trong vòng 21 ngày.

3. Chủ tịch phải soạn thảo chương trình cuộc họp. Các Ủy viên Ban Chấp hành có quyền đề xuất các ý kiến, hạng mục trong nội dung chương trình. Nội dung đề xuất phải gửi lên Ban Tổng Thư ký ít nhất trước 14 ngày khi cuộc họp diễn ra (hoặc 1 thời điểm khác do LDBĐVN quyết định). Chương trình họp phải được gửi cho các Ủy viên BCH ít nhất 7 ngày trước cuộc họp (hoặc vào một thời điểm do LDBĐVN quyết định)

4. Tổng Thư ký sẽ tham dự các buổi họp Ban Chấp hành với tư cách là cố vấn viên.

5. Các cuộc họp của Ban Chấp hành đều được ghi lại trong biên bản cuộc họp và có Nghị quyết cuộc họp. Nghị quyết cuộc họp được công bố rộng rãi.

6. Trước khi công bố Nghị quyết cuộc họp thì nội dung cuộc họp không được công bố rộng rãi, mà chỉ thông báo cho cá nhân, đơn vị có liên quan.

7. Ban Chấp hành có thể mời các khách mời tham dự, những khách mời này sẽ không có quyền biểu quyết và chỉ có thể đóng góp ý kiến khi được người chủ trì cuộc họp cho phép.

Điều 35. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành

1. Thông qua các quyết định trong tất cả các trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm của Đại hội hoặc không thuộc các cơ quan khác của LDBĐVN theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

2. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, quy định chức năng nhiệm vụ và quyền hạn đối với các ban chức năng, tổ chức trực thuộc LDBĐVN.

3. Bổ nhiệm Thường trực Ban Chấp hành gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và một Ủy viên trong số Ủy viên BCH.

4. Triển khai Nghị quyết Đại hội và chỉ đạo, giám sát các hoạt động của các cơ quan, tổ chức, Ban Thư ký thuộc LĐBĐVN.

5. Quyết định thời gian, địa điểm triệu tập Đại hội LĐBĐVN, thành lập Ban Tổ chức Đại hội, thành lập Ban Bầu cử Đại hội (theo quy định của FIFA).

6. Thông qua kế hoạch tài chính của Liên đoàn.

7. Quyết định khen thưởng với các Ủy viên BCH.

8. Định kỳ báo cáo kế hoạch công tác với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

9. Quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc Liên đoàn; bổ nhiệm các Trưởng ban, Phó Trưởng ban và thành viên của các ban thuộc LĐBĐVN.

10. Trình Đại hội thông qua các báo cáo, đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ, các vấn đề khác.

11. Giao nhiệm vụ trong phạm vi thẩm quyền của mình hoặc ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác thay mình thực hiện những nhiệm vụ thuộc thẩm quyền.

12. Phê chuẩn nhân sự Tổng Thư ký do Chủ tịch Liên đoàn giới thiệu trước khi Chủ tịch Liên đoàn ra Quyết định bổ nhiệm (hoặc miễn nhiệm) Tổng Thư ký Liên đoàn.

Điều 36. Quyết định của Ban Chấp hành

1. BCH chỉ tiến hành các cuộc họp nếu có trên 50% số Ủy viên có mặt.

2. Quyết định của BCH được thông qua khi có trên 50% số phiếu tán thành hoặc biểu quyết của các Ủy viên có mặt. Trong trường hợp số phiếu bầu ngang nhau, Chủ tịch (hoặc người chủ trì) sẽ là người bỏ phiếu quyết định. Không chấp nhận bỏ phiếu bằng thư hoặc bỏ phiếu thay.

3. Tất cả các quyết định đều được ghi lại trong Biên bản cuộc họp, Nghị quyết của BCH.

4. Các quyết định sẽ có hiệu lực ngay sau khi người có thẩm quyền ký văn bản hoặc vào một thời điểm theo quyết định của BCH.

5. Trong trường hợp cần lấy ý kiến của Ban Chấp hành ngoài kỳ họp của Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Chấp hành có thể cho ý kiến bằng văn bản theo mẫu của Liên đoàn.

6. Ủy viên Ban Chấp hành nếu có mâu thuẫn về lợi ích trong sự việc đang được xem xét quyết định thì Ủy viên đó phải rút lui khỏi việc thảo luận và quyết định về sự việc đó.

Điều 37. Khai trừ một cá nhân hoặc một Thành viên

1. Thẩm quyền quyết định khai trừ một cá nhân có chức danh do Đại hội bầu hoặc một thành viên thuộc về Đại hội. Ban Chấp hành sẽ thông báo việc

khai trừ trong nội dung họp Đại hội. Ban Chấp hành chỉ có quyền khai trừ tạm thời cá nhân hoặc thành viên đó. Ủy viên Ban Chấp hành được phép gửi đơn đề xuất về việc khai trừ trong cuộc họp Ban Chấp hành hoặc Đại hội.

2. Đề xuất khai trừ phải xác đáng và phải được gửi tới tất cả Ủy viên LĐBĐVN cùng với chương trình Đại hội.

3. Cá nhân hoặc thành viên bị đề xuất khai trừ có quyền tự nêu ý kiến biện hộ cho chính mình.

4. Nếu đề xuất khai trừ được thông qua, Đại hội hoặc Ban Chấp hành sẽ tiến hành bỏ phiếu kín để đưa ra quyết định cuối cùng. Đề xuất chỉ được thông qua khi có đủ 2/3 (hai phần ba) số phiếu bầu hợp lệ.

5. Cá nhân hoặc thành viên bị đề xuất khai trừ (tạm thời) phải dừng mọi hoạt động bóng đá ngay lập tức.

Điều 38. Chủ tịch

1. Chủ tịch LĐBĐVN do Đại hội bầu trực tiếp, có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Đại diện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của LĐBĐVN và là chủ tài khoản;

b) Chịu trách nhiệm báo cáo Ban Chấp hành và các thành viên về hoạt động của LĐBĐVN;

c) Đảm bảo việc thực hiện Điều lệ Liên đoàn, các Quyết định, Nghị quyết của Đại hội, Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành;

d) Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Thường trực Ban Chấp hành, Ban Chấp hành, Đại hội. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, một Phó Chủ tịch do Chủ tịch ủy quyền chủ trì cuộc họp;

đ) Ký các văn bản của LĐBĐVN khi đã được Đại hội, BCH, Thường trực Ban Chấp hành thông qua và các văn bản khác trong phạm vi thẩm quyền;

e) Chịu trách nhiệm về mối quan hệ giữa LĐBĐVN với các thành viên, với FIFA, AFC, AFF, các tổ chức chính trị và các cơ quan khác;

g) Đề xuất bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng thư ký để BCH Liên đoàn phê chuẩn trước khi Chủ tịch ra Quyết định (chỉ Chủ tịch mới có thẩm quyền này);

h) Chủ trì các cuộc họp của các ban khác nếu được đề nghị.

2. Chủ tịch tham gia bỏ phiếu trong cuộc họp Ban Chấp hành. Trong trường hợp số phiếu bầu ngang nhau, Chủ tịch là người bỏ lá phiếu quyết định.

3. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch đương nhiệm có thời gian tại vị lâu nhất (hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền) sẽ thay Quyền Chủ tịch.

4. Việc quy định bổ sung quyền hạn của Chủ tịch đều phải được quy định trong Quy chế tổ chức nội bộ của LDBĐVN và phải phù hợp với quy định của FIFA, AFC và AFF.

Điều 39. Các Phó Chủ tịch

Các Phó Chủ tịch do Đại hội bầu trực tiếp, có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Hoạt động theo sự phân công của Chủ tịch và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
2. Giám sát Tổng Thư ký điều hành các lĩnh vực công tác do mình phụ trách và báo cáo kết quả trước Chủ tịch.

Điều 40. Đại diện và chữ ký

1. Chủ tịch là người đại diện của LDBĐVN trong các quan hệ đối nội, đối ngoại quy định tại Điều 38 Điều lệ này.
2. Tổng Thư ký là người thay mặt Chủ tịch trong các quan hệ đối nội, đối ngoại (quy định tại Điều 58 Điều lệ này).
3. Các Phó Chủ tịch có quyền ký thay khi được Chủ tịch ủy quyền.
4. Các Phó Tổng Thư ký có quyền ký thay khi được Tổng Thư ký ủy quyền.
5. Các trường hợp đại diện và chữ ký khác được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định có liên quan của LDBĐVN hoặc theo văn bản ủy quyền của người có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 41. Thường trực Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Liên đoàn bầu Thường trực Ban Chấp hành có cùng nhiệm kỳ với BCH. Thường trực Ban Chấp hành gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và 01 (một) Ủy viên Ban Chấp hành.

Thường trực Ban Chấp hành có nhiệm vụ giải quyết những vấn đề cần phải giải quyết ngay của Liên đoàn giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành.

2. Chủ tịch có quyền triệu tập các cuộc họp Thường trực Ban Chấp hành. Nếu cuộc họp không được tiến hành trong khoảng thời gian quy định, các quyết định sẽ được thông qua bằng các hình thức khác.

3. Thường trực Ban Chấp hành chỉ được tổ chức các cuộc họp khi có trên 2/3 (hai phần ba) số Ủy viên có mặt.

4. Quyết định của Thường trực Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 50% số phiếu hợp lệ của các Ủy viên có mặt. Trong trường hợp ngang phiếu, bên có phiếu của Chủ tịch (hoặc người chủ trì) là bên chiếm đa số. Ủy viên vắng mặt không có quyền bỏ phiếu.

5. Tất cả các quyết định đều được ghi lại trong Biên bản cuộc họp hoặc Nghị quyết.

6. Các quyết định sẽ có hiệu lực ngay sau khi người có thẩm quyền ký hoặc vào một thời điểm theo quyết định của Thường trực Ban Chấp hành.

7. Chủ tịch phải ngay lập tức thông báo tới Ban Chấp hành các Quyết định của Thường trực Ban Chấp hành. Tất cả những đề xuất thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Chấp hành sẽ được BCH thông qua tại kỳ họp kế tiếp.

8. Trong trường hợp Chủ tịch không thể tham dự cuộc họp, Phó Chủ tịch đương nhiệm có thời gian tại vị lâu nhất (hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền) sẽ thay Quyền Chủ tịch.

Điều 42. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Đại hội nhiệm kỳ bầu. Số lượng Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Trưởng Ban Kiểm tra do Đại hội nhiệm kỳ bầu trong số Ủy viên Ban Kiểm tra. Ủy viên thuộc Ban Kiểm tra không nhất thiết là Ủy viên BCH.

2. Ban Kiểm tra hoạt động độc lập theo quy định của Điều lệ Liên đoàn. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm tra do Đại hội giao cho Ban Chấp hành ban hành, quy định cụ thể để thực hiện.

3. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Liên đoàn và Nghị quyết của Đại hội, các Quyết định, Nghị quyết của Ban Chấp hành và Thường trực BCH;

b) Kiểm tra việc thực hiện các quy chế, các hoạt động kinh tế, tài chính, các hoạt động khác của LDBĐVN và các thành viên;

c) Sau khi thực hiện công tác kiểm tra tùy theo tính chất của từng vụ việc, Ban Kiểm tra có trách nhiệm báo cáo với Thường trực BCH, BCH LDBĐVN hoặc có thể trình Đại hội LDBĐVN xem xét, quyết định.

Điều 43. Các Ban chức năng và các Hội đồng Tư vấn

1. Liên đoàn Bóng đá Việt Nam có các ban chức năng và Hội đồng Tư vấn:

a. Các ban chức năng gồm:

- Ban Chiến lược;
- Ban Bóng đá Chuyên nghiệp;
- Ban Futsal;
- Ban Bóng đá Nữ;
- Ban Bóng đá Phong trào;
- Ban Tiếp thị tài trợ và Tạo nguồn tài chính;
- Ban Tài chính;
- Ban Đối ngoại;
- Ban Truyền thông;

- Ban Y học thể thao;
- Ban Tư cách cầu thủ.
- b. Các Hội đồng Tư vấn gồm:
 - Hội đồng Huấn luyện viên;
 - Hội đồng Trọng tài.

Nhân sự của các Hội đồng Tư vấn do Thường trực BCH đề xuất, BCH bổ nhiệm. Các Hội đồng Tư vấn hoạt động theo quy định của BCH.

2. Các Trưởng ban của các ban chức năng phải là Ủy viên BCH. Các thành viên của mỗi ban sẽ do BCH bổ nhiệm dựa trên đề xuất của các Ủy viên BCH hoặc của Chủ tịch Liên đoàn. Các Trưởng ban, Phó Trưởng ban và thành viên của các Ban chức năng được bổ nhiệm trong một nhiệm kỳ công tác là 4 năm.

3. Mỗi Trưởng ban là người đại diện cho ban của mình và triển khai công việc theo đúng các quy định về tổ chức do BCH đề ra. Mỗi Trưởng ban có thể hợp tác với Tổng Thư ký để lên lịch họp nhằm đảm bảo thực hiện đầy đủ tất cả các nhiệm vụ được đề ra và phải báo cáo lại cho BCH.

4. Cơ cấu tổ chức và chức năng của các ban được quy định rõ trong Điều lệ, Quy chế làm việc và quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng Ban do BCH ban hành.

5. Mỗi ban chức năng có thể đề xuất lên BCH những sửa đổi liên quan đến các quy định của Ban.

Điều 44. Ban Chiến lược

Ban Chiến lược giải quyết những vấn đề về chiến lược phát triển bóng đá và vị thế của bóng đá trong nền chính trị, kinh tế, xã hội. Ban Chiến lược gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và 03 (ba) Ủy viên.

Điều 45. Ban Bóng đá Chuyên nghiệp

Ban Bóng đá Chuyên nghiệp lập kế hoạch phát triển bóng đá chuyên nghiệp và chịu trách nhiệm về các hoạt động liên quan đến bóng đá chuyên nghiệp.

Ban Bóng đá Chuyên nghiệp gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và tối đa 05 (năm) Ủy viên.

Điều 46. Ban Futsal

Ban Futsal giải quyết tất cả những vấn đề liên quan đến phát triển phong trào futsal. Ban Futsal gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và 01 (một) Ủy viên.

Điều 47. Ban Bóng đá Nữ

Ban Bóng đá Nữ chịu trách nhiệm giải quyết tất cả những vấn đề liên quan đến bóng đá nữ. Ban Bóng đá Nữ bao gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và 01 (một) Ủy viên.

Điều 48. Ban Bóng đá Phong trào

Ban Bóng đá Phong trào giải quyết những vấn đề chung về bóng đá ở cấp cơ sở như cơ cấu tổ chức, mối quan hệ giữa các CLB, Liên đoàn, các Thành viên và FIFA.

Ban Bóng đá Phong trào gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và 01 (một) Ủy viên.

Điều 49. Ban Tiếp thị tài trợ và Tạo nguồn tài chính

Ban Tiếp thị tài trợ và Tạo nguồn tài chính tư vấn cho Ban Chấp hành về tất cả các vấn đề tiếp thị, xây dựng chiến lược tiếp thị và thiết lập, duy trì mối quan hệ với các đối tác của LDBĐVN.

Ban Tiếp thị tài trợ và Tạo nguồn tài chính gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và tối đa 03 (ba) Ủy viên.

Điều 50. Ban Tài chính

Ban Tài chính giám sát hoạt động quản lý tài chính và tư vấn về quản lý tài chính và tài sản cho Ban Chấp hành. Ban Tài chính lập dự toán ngân sách của LDBĐVN và thẩm định bản báo cáo tài chính của Tổng Thư ký để trình cho Ban Chấp hành xem xét, phê duyệt.

Cơ cấu Ban Tài chính gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và 01 (một) Ủy viên.

Điều 51. Ban Đối ngoại

Ban Đối ngoại xây dựng và phát triển mối quan hệ hợp tác giữa LDBĐVN với các tổ chức bóng đá quốc tế và các Liên đoàn bóng đá quốc gia. Ban Đối ngoại bao gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và 01 (một) Ủy viên.

Điều 52. Ban Truyền thông

Ban Truyền thông giải quyết công tác truyền thông và tổ chức sự kiện của Liên đoàn, duy trì mối quan hệ với các tổ chức truyền thông. Ban Truyền thông bao gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và tối đa 03 (ba) Ủy viên.

Điều 53. Ban Y học Thể thao

Ban Y học Thể thao có chức năng nghiên cứu, đề xuất các chương trình, kế hoạch phát triển y học trong bóng đá và tham mưu, tư vấn cho Lãnh đạo

LĐBĐVN những giải pháp về tổ chức và nhân sự để hình thành mạng lưới chăm sóc, chữa trị và phục hồi chức năng cho vận động viên.

Ban Y học Thể thao gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và 01 (một) Ủy viên được lựa chọn từ đội ngũ các chuyên gia y tế của các tổ chức chuyên ngành.

Điều 54. Ban Tư cách Cầu thủ

1. Ban Tư cách Cầu thủ thiết lập và giám sát việc tuân thủ các quy định về chuyển nhượng dựa theo các quy định của FIFA về tư cách và chuyển nhượng cầu thủ, đồng thời quyết định tư cách cầu thủ đối với các giải đấu khác nhau của LĐBĐVN. BCH có thể đưa ra các quy định đặc biệt quy định về phạm vi quyền hạn của Ban Tư cách Cầu thủ. Ban này sẽ bao gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và tối đa 03 (ba) Ủy viên.

2. Các tranh chấp về tư cách cầu thủ liên quan đến LĐBĐVN, các thành viên, cầu thủ, quan chức, CLB, đội bóng và đại lý cầu thủ sẽ do Tòa Trọng tài giải quyết theo quy định của Điều lệ.

Điều 55. Hội đồng Huấn luyện viên

Hội đồng Huấn luyện viên bóng đá quốc gia hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, được LĐBĐVN bổ nhiệm.

Hội đồng Huấn luyện viên bóng đá quốc gia phối hợp với Ban Các đội tuyển, Ban Đào tạo trẻ, Ban Quan hệ Quốc tế của LĐBĐVN tổ chức việc đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho lực lượng huấn luyện viên bóng đá toàn quốc, theo dõi, quản lý, giúp đỡ đội ngũ huấn luyện viên về mặt chuyên môn và tham mưu cho LĐBĐVN về việc đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng lực lượng huấn luyện viên bóng đá cho các Đội tuyển quốc gia.

Hội đồng Huấn luyện viên bóng đá quốc gia gồm 05 (năm) thành viên trong đó có 01 (một) Chủ tịch, 01 (một) Phó Chủ tịch, 01 (một) Thư ký và 02 (hai) Ủy viên.

Điều 56. Hội đồng Trọng tài

Hội đồng Trọng tài chịu trách nhiệm thực hiện theo Luật Thi đấu bóng đá. Hội đồng bổ nhiệm các trọng tài làm nhiệm vụ trong các trận đấu do LĐBĐVN tổ chức, phối kết hợp với các bộ phận quản lý hành chính của LĐBĐVN tổ chức các cuộc họp trọng tài, giám sát tư cách trọng tài và đào tạo trọng tài.

Hội đồng Trọng tài gồm 01 (một) Chủ tịch, 01 (một) Phó Chủ tịch, 01 (một) Thư ký và một số Ủy viên do Thường trực BCH quyết định.

Điều 57. Ban Lâm thời

Nếu xét thấy cần thiết, Ban Chấp hành có thể lập ra Ban Lâm thời để giải quyết những nhiệm vụ đặc biệt trong thời gian nhất định. Ban Chấp hành sẽ bổ

nhiệm Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban và các thành viên. Nhiệm vụ và chức năng của Ban Lâm thời được BCH nêu rõ trong các quy chế đặc biệt. Ban Lâm thời sẽ báo cáo trực tiếp cho BCH.

Điều 58. Tổng Thư ký

1. Tổng Thư ký là Trưởng điều hành của Ban Tổng Thư ký. Tổng Thư ký được Ban Chấp hành phê chuẩn để Chủ tịch bổ nhiệm theo quy định của Điều lệ và phải có phẩm chất nghề nghiệp cần thiết.

2. Tổng Thư ký có quyền hạn và trách nhiệm:

a) Tham dự Đại hội và các cuộc họp của BCH, Thường trực Ban Chấp hành, các ban chức năng và Ban Lâm thời;

b) Chịu trách nhiệm chuẩn bị công tác tổ chức Đại hội, các cuộc họp Ban Chấp hành và các ban khác;

c) Tổ chức ghi các biên bản của Đại hội, các Hội nghị BCH, Thường trực BCH, các ban chức năng và Ban Lâm thời;

d) Được ủy quyền thứ nhất của chủ tài khoản LDBĐVN;

đ) Là người phát ngôn chính thức của LDBĐVN;

e) Chuẩn bị và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội, BCH, Thường trực BCH về các mặt công tác của LDBĐVN;

g) Đảm bảo mối quan hệ với FIFA, AFC, AFF, các Liên đoàn Bóng đá quốc gia và các tổ chức thể thao khác dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch;

h) Giới thiệu, đề xuất nhân sự chủ chốt của Ban Tổng Thư ký và các phòng chức năng của LDBĐVN để Thường trực BCH quyết định. Tổng Thư ký chịu trách nhiệm bổ nhiệm và miễn nhiệm các thành viên trong Ban Tổng Thư ký sau khi trao đổi thống nhất với Chủ tịch.

3. Tổng Thư ký không phải là đại biểu Đại hội hoặc là Ủy viên của bất cứ ban nào của LDBĐVN.

Điều 59. Bộ phận Pháp chế

Bộ phận Pháp chế gồm: Ban Kỷ luật và Ban Giải quyết khiếu nại.

1. Ban Kỷ luật:

a) Ban Kỷ luật gồm 05 (năm) Ủy viên, trong đó có 01 (một) Trưởng ban và 01 (một) Phó Trưởng ban. Danh sách Ủy viên Ban Kỷ luật do Ban Chấp hành quyết định. Quy chế tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kỷ luật do Ban Chấp hành ban hành, theo quy định của Điều lệ Liên đoàn;

b) Tất cả các thành viên của Ban Kỷ luật, kể cả Trưởng ban nếu liên quan đến vụ việc thì không được tham gia vào tiến trình giải quyết vụ việc đó;

c) Nhiệm vụ của Ban Kỷ luật:

- Áp dụng những biện pháp kỷ luật cần thiết đối với cá nhân và thành viên vi phạm Điều lệ và các quy định của LDBĐVN và các tổ chức bóng đá quốc tế mà LDBĐVN là thành viên;

- Ban hành quyết định kỷ luật dưới mọi hình thức trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của cơ quan khác theo Điều lệ này và các quy định có liên quan.

d) Trong quá trình xem xét và xử lý kỷ luật phải căn cứ vào Quy chế và các quy định kỷ luật của LDBĐVN và các tổ chức bóng đá quốc tế mà LDBĐVN là thành viên;

đ) Quyết định của Ban Kỷ luật có hiệu lực kể từ ngày ký và có thể bị khiếu nại lên Ban Giải quyết khiếu nại.

2. Ban Giải quyết khiếu nại:

a) Ban Giải quyết khiếu nại gồm 05 (năm) Ủy viên, trong đó có 01 (một) Trưởng ban và 01 (một) Phó Trưởng ban. Danh sách Ủy viên Ban Giải quyết khiếu nại do Ban Chấp hành quyết định. Quy chế tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Giải quyết khiếu nại do Ban Chấp hành ban hành, theo quy định của Điều lệ Liên đoàn;

b) Các Ủy viên Ban Giải quyết khiếu nại phải có bằng cử nhân luật;

c) Ban Giải quyết khiếu nại sẽ xem xét các khiếu nại theo Quy chế Ban Giải quyết khiếu nại do Ban Chấp hành ban hành;

d) Các quyết định của Ban Giải quyết khiếu nại là quyết định cuối cùng và có giá trị thực hiện đối với tất cả các bên liên quan.

Điều 60. Các hình thức kỷ luật

Các hình thức kỷ luật chủ yếu gồm:

1. Đối với cá nhân:

- a) Nhắc nhở;
- b) Khiển trách;
- c) Cảnh cáo;
- d) Truất quyền thi đấu;
- đ) Đình chỉ thi đấu;
- e) Cấm vào phòng thay đồ, hoặc hoạt động tại khu vực kỹ thuật;
- g) Cấm vào sân vận động;
- h) Cấm tham gia các hoạt động liên quan đến bóng đá;
- i) Phạt tiền;
- k) Tước danh hiệu và thu hồi giải thưởng.

2. Đối với tập thể:

- a) Nhắc nhở;

- b) Khiên trách;
- c) Cấm chuyển nhượng;
- d) Buộc phải thi đấu trên sân không có khán giả;
- đ) Buộc phải thi đấu trên sân trung lập;
- e) Cấm thi đấu trên một sân cụ thể;
- g) Hủy bỏ kết quả trận đấu;
- h) Loại khỏi giải;
- i) Phạt tiền;
- k) Trừ điểm;
- l) Giáng xuống hạng thấp hơn;
- m) Cấm vào sân vận động;
- n) Tước danh hiệu và thu hồi giải thưởng.

Điều 61. Tòa Trọng tài

LĐBĐVN có thể lập Tòa Trọng tài để giải quyết tất cả các tranh chấp nội bộ giữa LĐBĐVN và các thành viên, các cầu thủ, quan chức, các đại diện cầu thủ và cơ quan tổ chức trận đấu không nằm trong phạm vi giải quyết của Ban Giải quyết khiếu nại và Ban Kỷ luật. BCH phải đưa ra các điều khoản đặc biệt quy định về cơ cấu, thủ tục và quyền hạn của Tòa Trọng tài.

Điều 62. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp

1. LĐBĐVN, các thành viên, cầu thủ, quan chức, các đại diện cầu thủ và cơ quan tổ chức trận đấu không được đưa bất cứ tranh chấp nào liên quan đến bóng đá ra tòa án trong hệ thống nhà nước trừ những trường hợp đặc biệt được quy định trong Điều lệ và Quy định của FIFA. Mọi tranh chấp đều phải được trình lên cơ quan phán xử của FIFA, AFC, AFF và LĐBĐVN.

2. LĐBĐVN có quyền giải quyết các tranh chấp liên quan đến bóng đá trong phạm vi nội bộ bóng đá Việt Nam, ví dụ: tranh chấp giữa các bộ phận, các thành viên trong LĐBĐVN. Thẩm quyền xử lý các tranh chấp quốc tế thuộc về FIFA, ví dụ: tranh chấp giữa các bộ phận thuộc các Liên đoàn quốc gia hoặc các Liên đoàn châu lục khác nhau.

Điều 63. Tòa Trọng tài Thể thao (CAS)

1. Theo các điều khoản có liên quan trong Điều lệ của FIFA, bất cứ khiếu nại nào đối với các quyết định cuối cùng và bắt buộc của FIFA sẽ được Tòa Trọng tài Thể thao (CAS) đặt tại Lausanne, Thụy Sĩ giải quyết. Tuy nhiên, CAS không giải quyết những khiếu nại vi phạm Luật Thi đấu bóng đá, đình chỉ thi đấu tới 4 trận hoặc đến 3 tháng, cũng như các quyết định độc lập của Ban Giải quyết khiếu nại của các Liên đoàn Bóng đá quốc gia hoặc Liên đoàn Bóng đá Châu lục.

2. LDBĐVN phải đảm bảo sự tuân thủ tuyệt đối của các thành viên, các cầu thủ, các quan chức, các đại diện cầu thủ và các cơ quan tổ chức trận đấu đối với các quyết định giải quyết cuối cùng của một cơ quan thuộc FIFA hoặc CAS.

CHƯƠNG IV

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 64. Tài chính và tài sản

LDBĐVN có tài chính và tài sản riêng, được quyền thu, chi cho các hoạt động theo các quy định về tài chính của LDBĐVN phù hợp với pháp luật và quy định của Nhà nước. Năm tài chính của LDBĐVN bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 65. Quản lý tài chính và tài sản

Việc quản lý tài sản, tài chính được thực hiện theo pháp luật của Nhà nước, các quy định cụ thể của Ban Chấp hành về việc chi tiêu tài chính và phải được báo cáo bằng văn bản trong các kỳ họp Ban Chấp hành và Đại hội.

Điều 66. Các khoản thu của LDBĐVN

1. Tiền đóng góp của các thành viên theo quy định tại Điều lệ LDBĐVN.
2. Thu lệ phí tổ chức thi đấu các giải trong nước.
3. Tiền thu từ các hợp đồng tài trợ, quảng cáo cho các giải thi đấu trong nước và cho các Đội tuyển Quốc gia Nam và Nữ.
4. Tiền tài trợ, viện trợ từ các cá nhân và tổ chức quốc tế không gắn với quảng cáo.
5. Tiền ủng hộ, quà biếu, tặng của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.
6. Tiền thu từ hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản của LDBĐVN.
7. Tiền thu từ các hoạt động kinh tế sau khi đã nộp thuế theo luật định:
 - a) Sản xuất, kinh doanh (nếu có);
 - b) Tổ chức các giải, các trận thi đấu quốc tế;
 - c) Tiền cho thuê tài sản;
 - d) Tiền bán quyền sử dụng các biểu tượng, huy hiệu, hình ảnh của LDBĐVN;
 - đ) Tiền bán bản quyền truyền hình các giải thi đấu.
8. Thu tiền phạt từ án kỷ luật, phạt thẻ, khiếu kiện.
9. Tiền hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có).
10. Các khoản thu khác theo quy định của LDBĐVN và pháp luật Việt Nam.
11. Kinh phí thu được từ các nguồn thu không được chia cho thành viên của LDBĐVN.

Điều 67. Các khoản chi của Liên đoàn

1. Các khoản chi của LDBĐVN theo quy chế quản lý tài sản, tài chính do Ban Chấp hành thông qua phù hợp với quy định của Nhà nước.

2. Các khoản chi gồm:

- a) Trả các khoản thuế và các khoản phí có liên quan;
- b) Chi cho hoạt động của cấp quản lý và các ban chức năng của Ban Chấp hành;
- c) Chi cho hoạt động của cơ quan LDBĐVN như: tiền lương, tiền công, tiền đóng bảo hiểm cho cán bộ, nhân viên, tiền công tác phí, mua sắm trang thiết bị, chi phí thuê địa điểm, chi phí lễ tân, khánh tiết, tiền điện, nước, cước phí thông tin liên lạc và những chi phí khác;
- d) Chi phục vụ Đại hội, Hội nghị BCH LDBĐVN;
- đ) Chi tổ chức các giải trong nước như: Vô địch Quốc gia (VĐQG), Cúp Quốc gia, Siêu Cúp Quốc gia, hạng Nhất, hạng Nhì, VĐQG Nữ, Futsal;
- e) Chi tổ chức các giải quốc tế tại Việt Nam;
- g) Chi hỗ trợ tổ chức các giải bóng đá trẻ: U11, U13, U15, U18, U21;
- h) Chi tổ chức các lớp tập huấn trọng tài, giám sát, huấn luyện viên;
- i) Chi tặng các giải thưởng, khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích trong hoạt động bóng đá;
- k) Chi thuê HLV nước ngoài, HLV trong nước cho các lớp đào tạo trẻ;
- l) Chi cho công tác tuyên truyền, báo chí, thông tin khoa học, nghiên cứu khoa học;
- m) Chi đầu tư, xây dựng, trang bị, sửa chữa cơ sở Văn phòng;
- n) Chi cho các hoạt động quan hệ quốc tế;
- o) Các khoản chi phí tiếp thị, tài trợ, kinh doanh và dịch vụ;
- p) Chi hỗ trợ các thành viên khi có điều kiện;
- q) Các khoản chi hợp pháp khác.

Điều 68. Kiểm toán độc lập

Đại hội chỉ định một cơ quan kiểm toán độc lập để kiểm tra thu chi tài chính hằng năm do Ban Tài chính thông qua dựa trên các nguyên tắc kế toán cơ bản và báo cáo lên Đại hội. Cơ quan kiểm toán độc lập sẽ được chỉ định trong khoảng thời gian một nhiệm kỳ là 4 năm. Cơ quan này có thể được tái chỉ định hoặc thay đổi khi cần thiết.

Điều 69. Niên liễm

1. Niên liễm của các thành viên là ngày 15 tháng 01 hàng năm. Tiền niên liễm đối với một thành viên mới phải được đóng trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc Đại hội mà tổ chức đó được chấp nhận gia nhập.

2. Đại hội có quyền sửa đổi và ấn định số tiền niên liễm 01 năm một lần theo đề nghị của BCH. Số tiền này đối với các thành viên là như nhau và không được quá 03 triệu Việt Nam đồng/01 thành viên/01 năm.

Điều 70. Giải quyết nợ

LĐBĐVN có thể khấu trừ các khoản tiền mà các thành viên được hưởng để thanh toán các khoản nợ của thành viên đó đối với LĐBĐVN.

Điều 71. Các khoản lệ phí

LĐBĐVN có thể yêu cầu các thành viên đóng lệ phí đối với các trận đấu.

CHƯƠNG V

CÁC GIẢI ĐẤU - QUYỀN LỢI TRONG CÁC GIẢI ĐẤU VÀ SỰ KIỆN

Điều 72. Các giải đấu

1. Do LĐBĐVN tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các giải đấu:

a) Hệ thống bóng đá chuyên nghiệp gồm: Giải Vô địch Quốc gia; Giải hạng Nhất Quốc gia; Giải Cúp Quốc gia; Trận Siêu Cúp; Trận Play off và các giải bóng đá chuyên nghiệp khác (nếu có);

b) Hệ thống các giải bóng đá ngoài chuyên nghiệp: Giải bóng đá Nữ VĐQG, Giải hạng Nhì Quốc gia, Giải hạng Ba toàn quốc, các giải bóng đá Trẻ các lứa tuổi của Nam và Nữ;

c) Các giải bóng đá Futsal, bóng đá bãi biển và các giải bóng đá phong trào khác;

d) Tổ chức các giải đấu, trận đấu và các hoạt động bóng đá quốc tế khác theo quy định của Điều 76 Điều lệ này.

2. BCH có thẩm quyền ủy quyền cho các cơ quan tổ chức giải cấp dưới để tổ chức các giải đấu. Các giải đấu do các đơn vị cấp dưới tổ chức không được gây trở ngại cho các giải đấu do LĐBĐVN tổ chức. Các giải đấu do LĐBĐVN tổ chức được quyền ưu tiên trước nhất.

3. BCH có thể ban hành thêm các điều khoản đặc biệt cho mục đích này.

Điều 73. Cấp giấy phép CLB

Ban Chấp hành đặt ra các quy định liên quan đến hệ thống cấp giấy phép CLB trong đó quy định sự tham gia của các CLB, các đội bóng vào các giải đấu của LĐBĐVN.

Điều 74. Các quyền lợi

1. LĐBĐVN và các thành viên là những chủ sở hữu đầu tiên của tất cả các quyền lợi xuất phát từ các giải đấu và các sự kiện khác diễn ra trong phạm vi quyền hạn của các tổ chức này mà không có sự giới hạn nào về nội dung, thời

gian, địa điểm và luật lệ. Những quyền lợi này bao gồm tất cả các quyền lợi về tài chính, ghi hình và ghi âm, bản quyền truyền hình và tường thuật, bản quyền truyền thông đa phương tiện, quyền tiếp thị và quảng cáo, các quyền phát sinh trong khuôn khổ luật bản quyền và các quyền không cụ thể liên quan đến các biểu trưng.

2. BCH quyết định phương thức và mức độ sử dụng những quyền trên đồng thời đưa ra các quy định đặc biệt cho mục đích này. BCH có quyền quyết định sử dụng độc quyền các quyền trên hoặc liên kết với một bên thứ ba hoặc hoàn toàn thông qua bên thứ ba.

Điều 75. Trao quyền

LĐBĐVN là cơ quan duy nhất được trao quyền cho các đối tác về phân phối hình ảnh, âm thanh và những dữ liệu khác của các trận bóng cũng như các sự kiện hoạt động bóng đá do LĐBĐVN tổ chức và không có bất kỳ giới hạn nào về nội dung, thời gian, địa điểm, các vấn đề kỹ thuật và pháp lý.

CHƯƠNG VI

CÁC TRẬN ĐẤU VÀ CÁC GIẢI ĐẤU QUỐC TẾ

Điều 76. Các trận đấu và các giải đấu quốc tế

1. Thảm quyền tổ chức các trận đấu và giải đấu quốc tế giữa các đội tuyển quốc gia hoặc giữa các CLB chỉ thuộc về FIFA. Các trận đấu hoặc giải đấu chỉ được phép diễn ra khi có sự cho phép của FIFA. Ngoài ra, có thể cần thêm sự cho phép của Liên đoàn Bóng đá Châu lục theo quy định của FIFA.

2. LĐBĐVN phải tuân theo lịch thi đấu quốc tế của FIFA.

Điều 77. Quan hệ thể thao

LĐBĐVN không được phép thi đấu các trận đấu nhằm mục đích tạo các mối quan hệ về thể thao với các liên đoàn không phải là thành viên của FIFA, hoặc chỉ là thành viên tạm thời của Liên đoàn Bóng đá Châu lục mà không được FIFA cho phép.

Điều 78. Sự chấp thuận

Các CLB, đội bóng, cơ quan tổ chức giải đấu hoặc nhóm các CLB, đội bóng là thành viên của LĐBĐVN không được làm thành viên của một liên đoàn khác hay tham gia các giải đấu trên lãnh thổ của liên đoàn đó mà không được LĐBĐVN, liên đoàn đó hay FIFA cho phép, trừ những trường hợp ngoại lệ.

CHƯƠNG VII

KHEN THƯỞNG

Điều 79. Khen thưởng

Thành viên, đơn vị và cá nhân thuộc LDBĐVN có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp phát triển bóng đá được khen thưởng, xét tặng danh hiệu vinh dự của LDBĐVN. Trường hợp đặc biệt, LDBĐVN sẽ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng ở mức cao hơn, đồng thời đề nghị với FIFA, AFC, AFF có hình thức khen thưởng phù hợp với quy định của các cơ quan, tổ chức này.

Điều 80. Hội đồng Thi đua khen thưởng của LDBĐVN

1. Chủ tịch Hội đồng Thi đua khen thưởng là Chủ tịch LDBĐVN.
2. Phó Chủ tịch Hội đồng Thi đua khen thưởng là một trong các Phó Chủ tịch LDBĐVN.
3. Các Phó Chủ tịch khác, Tổng Thư ký và một số Trưởng ban là Ủy viên Hội đồng.
4. Nhiệm vụ của Hội đồng Thi đua khen thưởng.

Căn cứ vào đề nghị của Tổng Thư ký, Thường trực Ban Chấp hành và các thành viên, Hội đồng Thi đua khen thưởng xem xét, quyết định khen thưởng hoặc đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét và ra quyết định khen thưởng đối với các thành viên, Ủy viên BCH, các cá nhân và thành viên có thành tích đóng góp vào sự phát triển của bóng đá Việt Nam.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 81. Các tình huống bất khả kháng và không thể lường trước

Ban Chấp hành có thẩm quyền đưa ra quyết định cuối cùng về mọi vấn đề không có trong Điều lệ hoặc trong trường hợp bất khả kháng nhưng không trái với pháp luật và những quy định của FIFA, AFC, AFF.

Điều 82. Giải thể

1. Mọi quyết định liên quan đến việc giải thể LDBĐVN đều phải có đủ 2/3 (hai phần ba) số phiếu thuận của tất cả các thành viên (hoặc tỉ lệ phiếu thuận được quy định theo pháp luật nhà nước). LDBĐVN sẽ triệu tập Đại hội bất thường nhằm bỏ phiếu cho mục đích này.

2. Trường hợp LDBĐVN bị giải thể, tài sản của Liên đoàn được chuyển giao cho Tổng cục Thể dục Thể thao thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

(hoặc một ngân hàng do BCH chỉ định). Tổ chức này sẽ nắm giữ các tài sản này cho đến khi LDBĐVN được tái thành lập. Tuy nhiên, Đại hội cuối cùng có thể lựa chọn một bên khác để nắm giữ các tài sản của LDBĐVN dựa trên nguyên tắc 2/3 (hai phần ba) số phiếu thuận.

Điều 83. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ sửa đổi, bổ sung của LDBĐVN gồm 8 Chương, 83 Điều đã được Đại hội Liên đoàn Bóng đá Việt Nam nhiệm kỳ VI (2009-2013) thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2009 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Thành viên, đơn vị và cá nhân thuộc LDBĐVN có trách nhiệm thực hiện Điều lệ này.

3. Căn cứ các quy định pháp luật về hội và Điều lệ LDBĐVN, Ban Chấp hành LDBĐVN có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này.

